TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày 21/02/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**
Bà **Phan Thị Bích Thuận**

- Thư ký phiên toà: Ông **Khuất Duy Toàn** - Cán bộ Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thư** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Toà án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Minh H** - Sinh năm 1975; Địa chỉ: Phòng 1010, tòa NO3T2 Khu N, X, quận B, thành phố H1 - Bà Nguyễn Thị Minh H vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: **Công ty cổ phần C**; Địa chỉ: Đường số 10, Khu công nghiệp H2, phường H3, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần C: Ông Mai Văn K - sinh năm 1985 - Địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông Mai Văn K: K137/27 T, tổ 95, phường H4, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Ông Mai Văn K vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Tôi là nhân viên của Công ty cổ phần C. Trong quá trình hoạt động, do tình hình tài chính của Công ty cổ phần C có nhiều hạn chế nên tôi cho Công ty cổ phần C vay rất nhiều lần, tổng cộng số tiền tôi cho vay là 100.000.000 đồng

(Một trăm triệu đồng). Số tiền này đã được Công ty cổ phần C và tôi ký xác nhận tại Biên bản xác nhận công nợ số 016/2020/ĐCCN ngày 12/6/2020, theo đó ngày cuối cùng Công ty cổ phần C phải thanh toán nợ cho tôi là ngày 30/7/2020. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa chưa thanh toán, sau nhiều lần liên hệ thì tôi không nhận được sự phản hồi về việc thanh toán khoản nợ trên.

Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu Công ty cổ phần C phải trả tôi số tiền nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tổng cộng 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 10/01/2022 và Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 26/01/2022, bà Nguyễn Thị Minh H thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu Công ty cổ phần C phải trả 01 lần số tiền nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/02/2022 với lãi suất 10%/ 01 năm, cụ thể:

Tổng 01 năm 05 tháng = 17 tháng, tiền lãi 17 tháng là:

(100.000.000 đồng x 10%) : 12 tháng x 17 tháng = 14.166.666 đồng.

* Trình bày của ông Mai Văn Khoa là người đại diện theo pháp luật của bị đơn tại Bản tự khai ngày 17/01/2022:

Trước đây bà Nguyễn Thị Minh H là nhân viên của Công ty cổ phần C, bà H có cho Công ty cổ phần C vay số tiền 100.030.000 đồng (Một trăm triệu không trăm ba mươi nghìn đồng), có ký Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/6/2020 giữa Công ty cổ phần C với bà Nguyễn Thị Minh H. Theo đó hai bên đối chiếu về việc Công ty chúng tôi nợ bà H tổng số tiền 181.740.678 đồng (Một trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng). Sau đó Công ty cổ phần C đã trả hết các khoản nợ khác, riêng khoản nợ vay 100.030.000 đồng (Một trăm triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) thì Công ty cổ phần C còn nợ bà H chưa trả được vì làm ăn khó khăn do dịch bệnh.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Công ty chúng tôi trả số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/ 01 năm thì Công ty chúng tôi đồng ý trả toàn bộ nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Tuy nhiên hai năm trở lại đây tình hình hoạt động của Công ty cổ phần C gặp nhiều khó khăn do Covid-19 nên nay Công ty chúng tôi xin bắt đầu từ tháng 7 năm 2022 trở đi mỗi tháng trả dần số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cả gốc và lãi cho đến khi kết thúc nợ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H đối với Công ty cổ phần C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Khi thụ lý vụ án, căn cứ đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Minh H khai Bà cho Công ty cổ phần C mượn tiền và căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/6/2020 giữa Công ty cổ phần C với bà Nguyễn Thị Minh H Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền". Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận bị đơn Công ty cổ phần C vay tiền nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H, phù hợp với Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/6/2020 giữa Công ty cổ phần C với bà Nguyễn Thị Minh H ghi khoản nợ bà Nguyễn Thị Minh H khởi kiện là tiền vay, do đó tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì thấy:

Theo Biên bản xác nhận công nợ số 016/2020/ĐCCN ngày 12/6/2020 giữa bà Nguyễn Thị Minh H và Công ty cổ phần C thì Công ty cổ phần C vay bà

Nguyễn Thị Minh H số tiền 100.030.000 đồng (Một trăm triệu không trăm ba mươi nghìn đồng), hạn cuối trả nợ là ngày 30/7/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận Công ty cổ phần C còn nợ bà Nguyễn Thị Minh H số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và ngày 30/7/2020 là hạn cuối trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay bà Nguyễn Thị Minh H khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần C trả số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà không phải 100.030.000 đồng (Một trăm triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

Xét lời khai của các đương sự phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H cung cấp là bản sao Biên bản xác nhận công nợ số 016/2020/ĐCCN ngày 12/6/2020 giữa bà Nguyễn Thị Minh H và Công ty cổ phần C. Do đó, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H, buộc Công ty cổ phần C phải trả Công ty cổ phần C bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Đối với việc Công ty cổ phần C xin bắt đầu từ tháng 7 năm 2022 trở đi mỗi tháng trả dần số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cả gốc và lãi cho đến khi kết thúc nợ: Do bà Nguyễn Thị Minh H không chấp nhận yêu cầu này của Công ty cổ phần C nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu câu này của Công ty cổ phần C.

Đối với tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất tiền lãi mà Công ty cổ phần C phải trả bà Nguyễn Thị Minh H là 10%/ 01 năm, lãi tính từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy việc tính lãi suất nêu trên là đúng với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận. Xét thấy từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 21/02/2022 là 18 tháng 20 ngày. Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị Minh H khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty cổ phần C trả tiền lãi trong thời hạn 17 tháng nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 14.166.666 đồng.

Vì những lẽ trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc Công ty cổ phần C phải trả bà Nguyễn Thị Minh H số tiền cả gốc 100.000.000 đồng và lãi 14.166.666 đồng, tổng cộng 114.166.666 đồng.

[3] Về án phí:

[3.1] Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty cổ phần C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 114.166.666 đồng x 5% = 5.708.333 đồng.

[3.2] Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004980 ngày 22/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (*Chú thích lý do biên lai thu tiền tạm ứng án phí cách xa ngày thụ lý vụ án: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thụ lý vụ án lần thứ nhất vào ngày 22/02/2021, sau đó chuyển Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ. Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý vụ án vào ngày 17/6/2021 và chuyển lại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu. Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thụ lý vụ án lần thứ hai vào ngày 20/7/2021*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng:

- Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Nguyễn Thị Minh H đối với Công ty cổ phần C.

Xử:

1. Buộc Công ty cổ phần C phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 114.166.666 đồng (Một trăm mười bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn), nợ lãi 14.166.666 đồngKể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Minh H có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty cổ phần C không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty cổ phần C phải chịu thêm khoản tiền lãi, ương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

(Mười bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Minh H có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty cổ phần C không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty cổ phần C phải chịu thêm khoản tiền lãi, ương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Công ty cổ phần C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.708.333 đồng (Năm triệu bảy trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

3.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004980 ngày 22/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- TAND TP Đà Nẵng (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân Hương